

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 05-7-2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia  
tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thom.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Núi.

Ông Ngô Văn Bi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Võ Hồng L1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng C.

Địa chỉ: Đường N, Khu phố E, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Q. Chức vụ: Giám đốc.

+ Bà Đặng Thị N, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt, các đương sự khác đều xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L và anh Võ Hồng L1 bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2013. Tuy nhiên, đến năm 2017, anh chị tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L1 hay ghen tuông, xúc phạm và còn đe dọa chị L. Anh chị không thể hàn gắn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Võ Hồng L2, sinh ngày 02/11/2016 và cháu Võ Ánh Hồng L3, sinh ngày 20/9/2019. Hiện tại cháu L2 đang sống chung với anh L1 và cháu L3 đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L để cháu L2 cho anh L1 nuôi dưỡng, chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu L3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị L xác định chị và anh L1 không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, căn nhà hiện tại anh L1 đang ở tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang được xây dựng trên cơ sở chị L vay mượn riêng đem tiền về cất nhà. Chủ nợ là Ngân hàng C, bà Trần Ngọc T, bà Đặng Thị N và bà Nguyễn Thị X. Các khoản nợ này chị L sẽ tự trả. Do đó, chị L cho rằng căn nhà là tài sản riêng của chị và yêu cầu anh L1 có nghĩa vụ trả lại chị toàn bộ giá trị căn nhà, chị L ước tính là 200.000.000 đồng và theo kết quả định giá ngày 30/3/2022 là 204.275.995 đồng.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác.

*Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Võ Hồng L1 trình bày:*

Anh L1 thống nhất với lời trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa anh chị. Nguyên nhân mâu thuẫn anh L1 không rõ, bởi vì năm 2021 chị L về nhà mẹ ruột sinh sống và nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh. Anh L1 vẫn còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên, nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh L1 vẫn đồng ý.

Về con chung: Anh L1 và chị L có 02 con chung là cháu L2 và cháu L3 đúng như chị L trình bày. Đồng thời anh L1 thống nhất với thỏa thuận nuôi con như chị L yêu cầu. Anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh L1 xác định anh chị không có nợ chung. Riêng về căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Bởi vì, tiền cất nhà là tiền chung của vợ chồng. Anh L1 không đồng ý trả toàn bộ giá trị nhà theo yêu cầu của chị L, đồng thời anh L1 cũng không có yêu cầu chia căn nhà mà mong muốn để căn nhà lại cho con anh sinh sống.

Ngoài ra, anh L1 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T trình bày:*

Bà T là cô ruột của chị L. Vào tháng 4 năm 2020 (âm lịch), bà T vay tiền dùm cho chị L. Số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Chị L nói rằng vay tiền để cất nhà. Hàng tháng, chị L gửi tiền lãi cho bà T để trả cho bên cho vay. Đến tháng 3 năm 2021 (âm lịch), bà T đã trả dứt nợ cho bên cho vay, nên hiện tại chị L còn nợ bà T số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T không khởi kiện gì trong vụ án.

*Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Bà X là mẹ của chị L. Vào tháng 4 năm 2020 (âm lịch), vợ chồng chị L, anh L1 có mượn của bà X số tiền 120.000.000 đồng trong 02 lần, 01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 70.000.000 đồng, mượn không lãi suất. Tiền này xuất phát từ việc bà X tham gia hội, anh L1, chị L nhờ cậy khi bà X hốt hội thì cho anh chị mượn tiền để cất nhà. Khi cho mượn tiền, bà X trực tiếp giao tiền cho chị L nhưng việc hỏi mượn đều có mặt cả vợ chồng. Tuy nhiên, bà X chỉ muốn trình bày để chứng minh tiền cất nhà là của chị L vay mượn, riêng bà X không khởi kiện gì trong vụ án.

*Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày:*

Bà N là bà ngoại của anh L1. Cách đây 02 năm, bà N có cho vợ chồng anh L1, chị L mượn số tiền 30.000.000 đồng trong 02 lần, 01 lần 10.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng. Số tiền này, anh Luận, chị L mượn để làm ăn buôn bán và mượn không lãi suất. Khi giao tiền, bà N giao trực tiếp cho chị L nhưng thời gian cụ thể bà N không nhớ. Bà N mong muốn anh chị trả lại cho bà số tiền này. Tuy nhiên, bà N không khởi kiện gì trong vụ án.

*Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Văn Q là Giám đốc trình bày:*

Ngày 17/5/2020, Phòng Giao dịch Ngân hàng C có giải ngân cho vay đối với chị Trần Thị Mỹ L, ngụ ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, thuộc chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, thời gian trả nợ cuối cùng vào ngày 17/3/2025. Qua điều tra thực tế của Cán bộ tín dụng phụ trách xã cho thấy chị L đang có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông. Cán bộ tín dụng phụ trách xã đã phối hợp cùng với Hội phụ nữ xã P, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thỏa thuận với chị L về trách nhiệm trả nợ. Chị L đã cam kết chịu trách nhiệm trả nợ đúng thời hạn với khoản vay vốn. Nên Ngân hàng không khởi kiện đối với chị L và anh L1 trong vụ án ly hôn đang được Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị L và anh L1. Riêng về tài sản cần xác định căn nhà là tài sản chung của vợ chồng nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, chia đôi căn nhà, giao nhà cho anh L1 sở hữu, đồng thời anh L1 có nghĩa vụ hoàn lại cho chị L  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Võ Hồng L1, đồng thời có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản nên đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Hồng L1 có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Hồng L1, người đại diện của Ngân hàng C là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Ngọc T, bà Đặng Thị N và bà Nguyễn Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh L1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 11/9/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh L1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng không thành.

Thấy rằng, chị L và anh L1 đều thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn, giữa chị L và anh L1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, hạnh

phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị L có yêu cầu ly hôn và anh L1 đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1 theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh L1 thống nhất anh chị có 02 con chung là cháu Võ Hồng L2, sinh ngày 02/11/2016 và cháu Võ Ánh Hồng L3, sinh ngày 20/9/2019. Hiện tại, cháu L2 đang sống chung anh L1 và cháu L3 sống cùng chị L. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu L2 cho anh L1 nuôi dưỡng, giao cháu L3 cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị L, anh L1 theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L, anh L1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh L1 đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản: Chị L yêu cầu anh L1 trả lại cho chị toàn bộ giá trị căn nhà tại ấp Bà Lắm, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Theo kết quả định giá tài sản ngày 30/3/2022, căn nhà có ký hiệu KCC1, móng bê tông, tường gạch, mái tôn, đòn tay gỗ, diện tích 67,85 m<sup>2</sup>, giá trị còn lại 70%, đơn giá 4.301.000 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền 204.275.995 đồng. Anh L1 cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng yêu cầu không chia và để lại cho con anh sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L, anh L1 đều thừa nhận căn nhà được xây dựng vào năm 2020, đồng nghĩa với việc tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất về nguồn tiền được sử dụng vào việc xây dựng nhà. Anh L1 cho rằng tiền xây nhà là tiền của vợ chồng, chị L cho rằng tiền để xây nhà từ việc chị vay mượn riêng với tư cách cá nhân chị. Chị L yêu cầu xác minh đối với các chủ nợ. Mặc dù vậy, qua lời trình bày của các bên vẫn không đủ cơ sở để chứng minh toàn bộ nguồn tiền để xây dựng nhà chỉ do một mình chị L bỏ ra. Việc chị L tự nhận các khoản nợ riêng không đồng nghĩa với việc xác định tài sản riêng cho chị. Trường hợp các bên có tranh chấp và chủ nợ có yêu cầu sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định căn nhà là tài sản chung của chị L, anh L1 theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhà đang do anh L1 quản lý, sử dụng, chị L đồng ý giao nhà cho anh L1 sở hữu nên anh L1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị L  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà là 204.275.995 đồng : 2 = 102.137.997 đồng theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về nợ: Ngoài tranh chấp về tài sản, chị L còn trình bày các khoản nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng C, bà Trần Ngọc T, bà Đặng Thị N, bà Nguyễn Thị X đều

không có yêu cầu đối với khoản nợ của chị L. Xét thấy, các chủ nợ là bên có quyền nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị L và anh L1 tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được việc nuôi dưỡng con chung nhưng không thỏa thuận được việc chia tài sản và Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nên mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, chị L và anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản anh chị được chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. Án phí chị L, anh L1 mỗi người phải nộp được xác định như sau: 204.275.995 đồng : 2 x 5% = 5.106.900 đồng.

Tuy nhiên, chị L là cá nhân thuộc hộ nghèo và có yêu cầu được miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm cho chị L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[9] Về chi phí tố tụng: Chị L đã tạm ứng toàn bộ chi phí định giá tài sản. Tuy nhiên, chị L xác định chị tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và không yêu cầu anh L1 thanh toán lại ½ chi phí, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, khoản 1, khoản 3 Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Võ Hồng L1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh L1.

Chị Trần Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Ánh Hồng L3, sinh ngày 20/9/2019.

Anh Võ Hồng L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hồng L2, sinh ngày 02/11/2016.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L, anh L1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

### **3. Về tài sản chung:**

**3.1.** Anh Võ Hồng L1 được quyền sở hữu 01 căn nhà có ký hiệu KCC1, móng bê tông, tường gạch, mái tôn, đòn tay gỗ, diện tích 67,85 m<sup>2</sup>, giá trị còn lại 70%, nhà tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**3.2.** Anh Võ Hồng L1 có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Mỹ L giá trị ½ căn nhà là 102.137.997 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng*).

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

### **4. Về án phí:**

Chị Trần Thị Mỹ L được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Anh Võ Hồng L1 phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.106.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**

